

Thanh Hóa, ngày 02 tháng 4 năm 2026.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm đ khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b tiểu mục 1.3 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 25 tháng 03 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 74/2026/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 25 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm: 1980;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Bà Doãn Thị H, sinh năm: 1962;

Địa chỉ: Thôn Ân Mộc, xã Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Doãn Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Y số tiền nợ gốc là: 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng).

- Về cách thức thanh toán và thời gian thanh toán:

Thời hạn trả nợ: Bà Doãn Thị H trả tiền cho bà Nguyễn Thị Y thành hai lần:

+ Lần thứ nhất: Ngày 16 tháng 4 năm 2026 bà H trả cho bà Y số tiền 20.000.000đ.

+ Lần thứ hai: Ngày 16 tháng 11 năm 2026 bà H trả cho bà Y toàn bộ số tiền còn lại là 25.000.000đ.

Kể từ ngày bà **Y** có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà **H** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Bà **Nguyễn Thị Y** và bà **Doãn Thị H** thống nhất bà **H** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 1.125.000đ (*Một triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*), bà **Doãn Thị H** thuộc trường hợp được miễn án phí và có đơn xin miễn án phí. Bà **H** được miễn 562.500đ (Năm trăm sáu mươi hai nghìn, năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà **H** còn phải chịu 562.500đ (Năm trăm sáu mươi hai nghìn, năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà **Y** số tiền tạm ứng án phí đã nộp: 1.347.000đ (*Một triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001645 ngày 06/3/2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 – Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 3;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- TA tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Đặng Thanh Tuấn